

# NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHUYỂN ĐỔI TNQD SANG GDP CHO thời kỳ trước năm 1989 ở Việt Nam

Văn Nguyễn

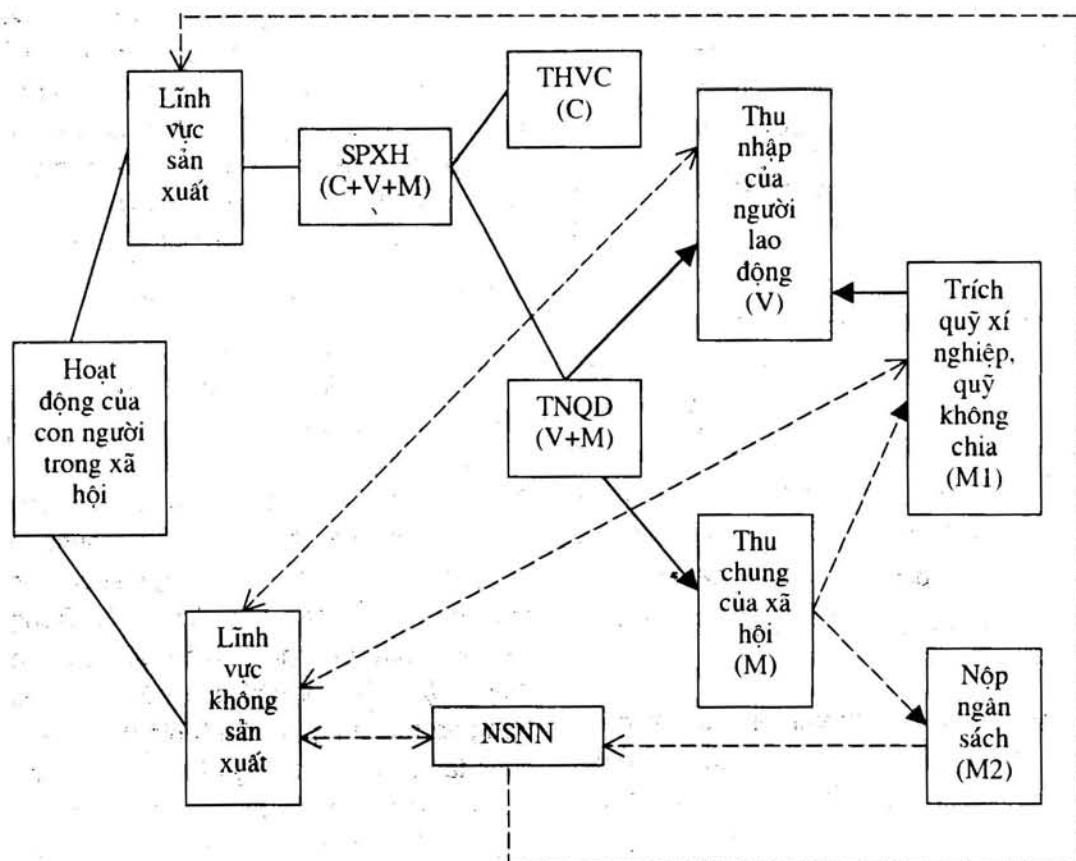
## I. SỰ KHÁC NHAU VỀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT XÃ HỘI GIỮA 2 HỆ THỐNG MPS VÀ SNA ĐÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẾN PHẠM VI, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP TÍNH TNQD VÀ GDP

1. Theo MPS, chỉ có lao động trong các ngành sản xuất mới trực tiếp sáng tạo sản phẩm cho xã hội. Vì vậy toàn bộ hoạt động của xã hội chia làm 2 khu vực: khu vực sản xuất ra của cải xã hội gồm: công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, xây dựng, vận tải hàng hoá, bưu điện phục vụ cho

sản xuất, thương nghiệp và ăn uống, sản xuất vật chất khác; khu vực không sản xuất ra của cải cho xã hội là các hoạt động dịch vụ, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, sự nghiệp,... Những người lao động tham gia trong khu vực này không tham gia trực tiếp sản xuất ra của cải xã hội mà chỉ dựa vào quá trình phân phối lại thu nhập của những thành viên trong khu vực sản xuất vật chất:

(Xem sơ đồ sau)

**Sản xuất và phân phối SPXH, TNQD (theo MPS)**

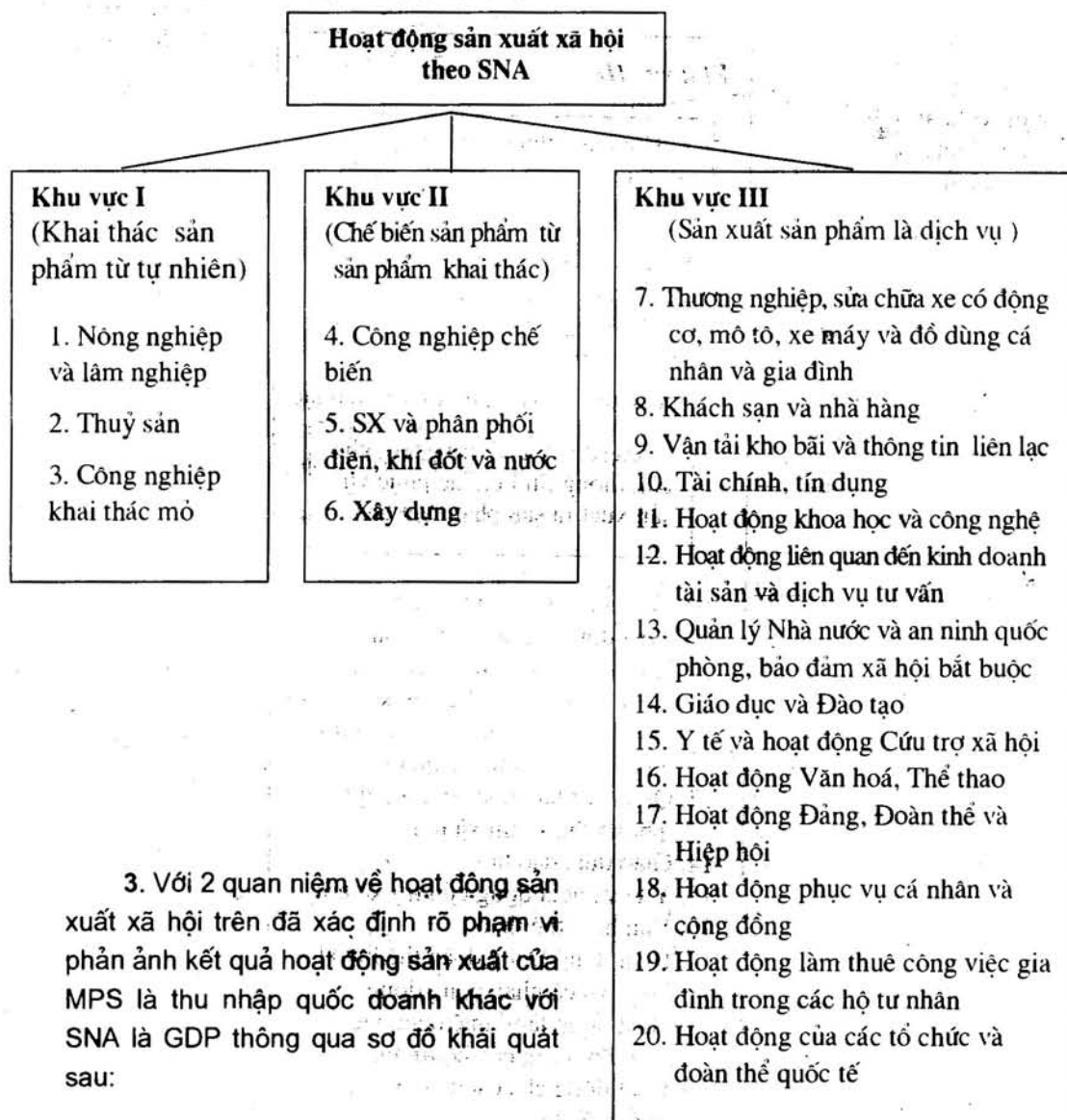


Ký hiệu: \_\_\_\_\_ Phản ánh kết cấu,  
 \_\_\_\_\_ → Quá trình phân phối lần đầu TNQD  
 -----> Quá trình phân phối lại TNQD

2. Theo SNA, toàn bộ lao động trong khu vực sản xuất vật chất và khu vực hoạt động dịch vụ đều là sản xuất ra của cải cho xã hội. Của cải xã hội bao gồm dưới 2 hình thức sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ. Vì vậy, toàn bộ hoạt động kinh tế chia làm 3 khu vực:

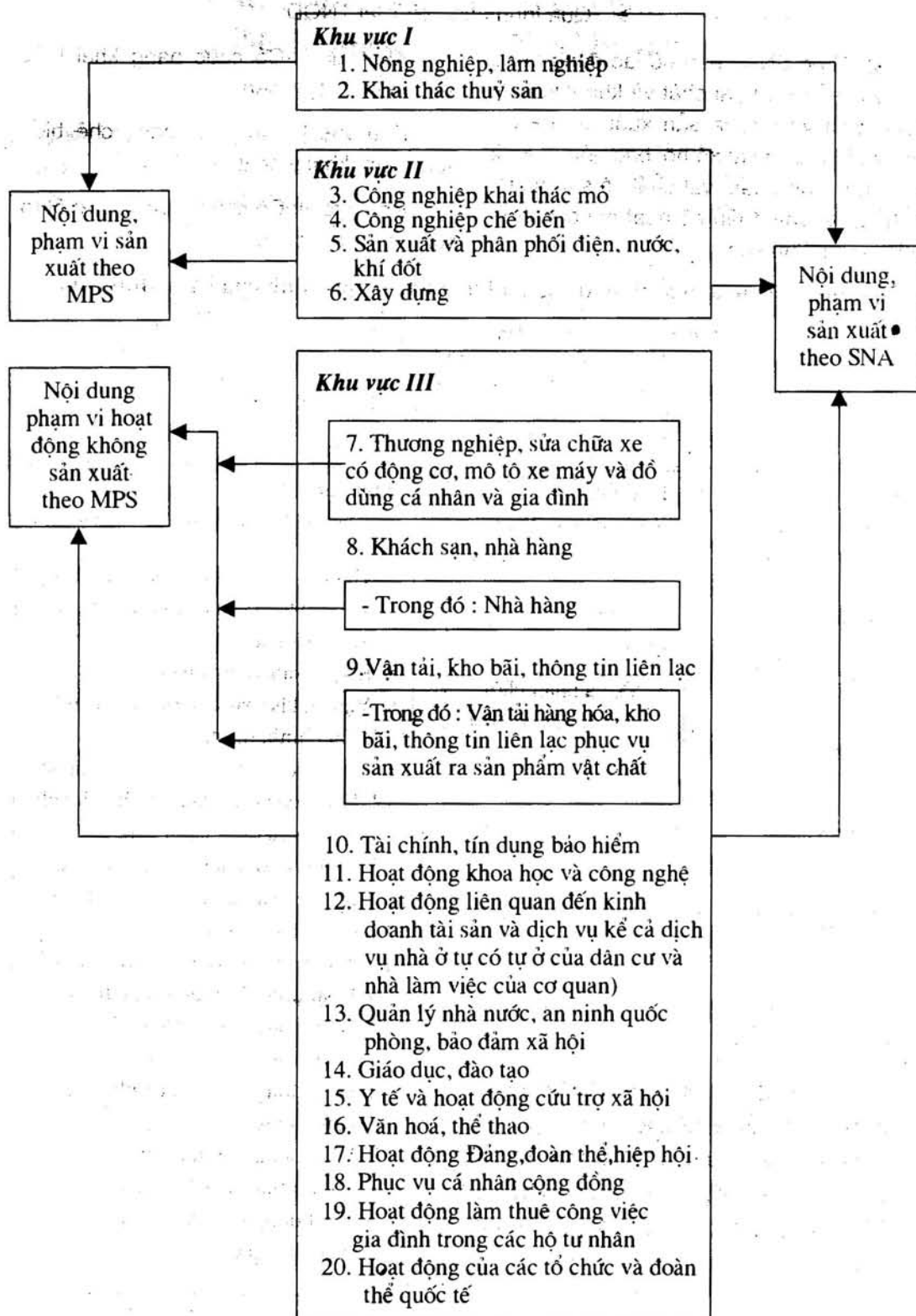
Khu vực I: Có chức năng khai thác sản phẩm từ tự nhiên.  
 Khu vực II: Có chức năng chế biến sản phẩm khai thác từ tự nhiên.  
 Khu vực III: Có chức năng sản xuất ra sản phẩm là dịch vụ.

**Nội dung các ngành kinh tế trong 3 khu vực theo quy định của Liên Hợp Quốc**



3. Với 2 quan niệm về hoạt động sản xuất xã hội trên đã xác định rõ phạm vi phản ánh kết quả hoạt động sản xuất của MPS là thu nhập quốc doanh khác với SNA là GDP thông qua sơ đồ khái quát sau:

**Sự khác nhau của khái niệm sản xuất theo MPS và theo SNA  
qua bảng phân ngành KTQD ở Việt Nam**



4. Từ những điều trình bày trên thấy: Chỉ tiêu TNQD so với GDP thiếu 1 phần lớn giá trị mới tăng thêm của khu vực hoạt động dịch vụ Trừ ngành TN, nhà hàng (AU), vận tải hàng hoá, bưu điện phục vụ sản xuất như trong sơ đồ đã thể hiện.

Để đơn giản hoá chúng ta có thể hình thành mối quan hệ giữa chỉ tiêu GDP và TNDN như sau:

$$GDP = TNQD + GTTT \text{ của các hoạt động dịch vụ (còn lại)}$$

Đây chính là căn cứ để các nhà thống kê Xô viết đưa ra công thức chuyển đổi và đã có 1 thời kỳ thống kê Việt Nam ứng dụng.

$$GDP = TNQD + 18\% \text{ của TNQD.}$$

Trong đó: Qua điều tra thực tế thì 18% gồm:

Như vậy:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí trung gian của những ngành sản xuất vật chất} &= \left( \begin{array}{l} \text{THVC} \\ \text{của những} \\ \text{ngành SXVC} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Khấu hao} \\ \text{TSCĐ của} \\ \text{những ngành} \\ \text{SXVC} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Chi phí dịch vụ} \\ \text{cho sản xuất} \\ \text{của những ngành} \\ \text{SXVC} \end{array} \end{aligned}$$

+ 13% là giá trị tăng thêm của hoạt động dịch vụ còn lại (vì trong TNQD đã bao gồm 1 phần hoạt động dịch vụ và thương nghiệp, vận tải, bưu điện phục vụ sản xuất)

+ 5% là khấu hao TSCĐ trong khu vực SXVC (vì trong TNQD không bao gồm khấu hao tài sản cố định, còn GDP lại bao gồm cả khấu hao tài sản cố định).

Còn khi tính GDP theo phương pháp sản xuất, được áp dụng theo công thức sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Giá trị tăng thêm của} & = & \text{Giá trị SX của từng} \\ \text{từng ngành SXVC} & & \text{ngành SXVC} - \text{Chi phí trung gian của từng ngành SXVC} \end{array}$$

Trong đó: Chi phí trung gian bao gồm chi phí vật chất và chi phí dịch vụ cho sản xuất, không có khấu hao TSCĐ.

## II. NỘI DUNG GIÁ TRỊ TĂNG THÊM THEO SNA VÀ GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG THUẦN TÚY THEO MPS CỦA NHỮNG NGÀNH SẢN XUẤT VẬT CHẤT CŨNG CÓ NHỮNG ĐIỂM GIỐNG VÀ KHÁC NHAU

1. Sự giống và khác nhau thể hiện ở bảng sau:

| Nội dung giá trị sản lượng thuần túy theo MPS                                                                                                                                                                                                                               | Nội dung giá trị tăng thêm theo SNA                                                                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Thu nhập của người sản xuất<br>a. Tiền lương, tiền công<br>b. Các khoản thu nhập có tính chất lương<br>2. Thu chung xã hội<br>a. Thuế sản xuất<br>b. Lợi tức sản xuất<br>c. Trích BHXH<br>d. Khấu hao TSCĐ không dùng cho sản xuất<br>e. Các khoản thu chung xã hội khác | 1. Thu nhập của người sản xuất<br>a. Tiền lương, tiền công<br>b. Trích BHXH<br>c. Thu nhập khác<br>2. Thuế sản xuất<br>3. Tổng khấu hao TSCĐ<br>4. Giá trị thặng dư<br>a. Lợi tức sản xuất<br>b. Giá trị thặng dư khác |

Như vậy khi chuyển đổi từ TNQD sang GDP từ các yếu tố cấu thành theo nội dung sau:

$$\begin{array}{lclcl} \text{a. Thu nhập của người sản xuất theo SNA} & = & \text{Thu nhập của người sản xuất theo MPS} & + & \text{Trích từ BHXH từ thu chung XH theo MPS} & + & \text{Các khoản thu chung khác theo MPS} \end{array}$$

- b. Thuế sản xuất = Thuế sản xuất trong thu chung của xã hội theo MPS
- c. Khấu hao TSCĐ theo SNA = Khấu hao TSCĐ dùng cho sản xuất trong THVC theo MPS + Khấu hao TSCĐ không sản xuất trong thu chung xã hội theo MPS
- d. Giá trị thặng dư theo SNA = Lợi tức sản xuất trong thu chung xã hội theo MPS + Giá trị thặng dư khác theo SNA

Trong đó:- Giá trị thặng dư khác theo SNA gồm: trả lãi tiền vay ngân hàng (sau khi trừ đi dịch vụ ngầm của ngân hàng).

- Chi mua bảo hiểm sản xuất (sau khi trừ đi phí dịch vụ BH).

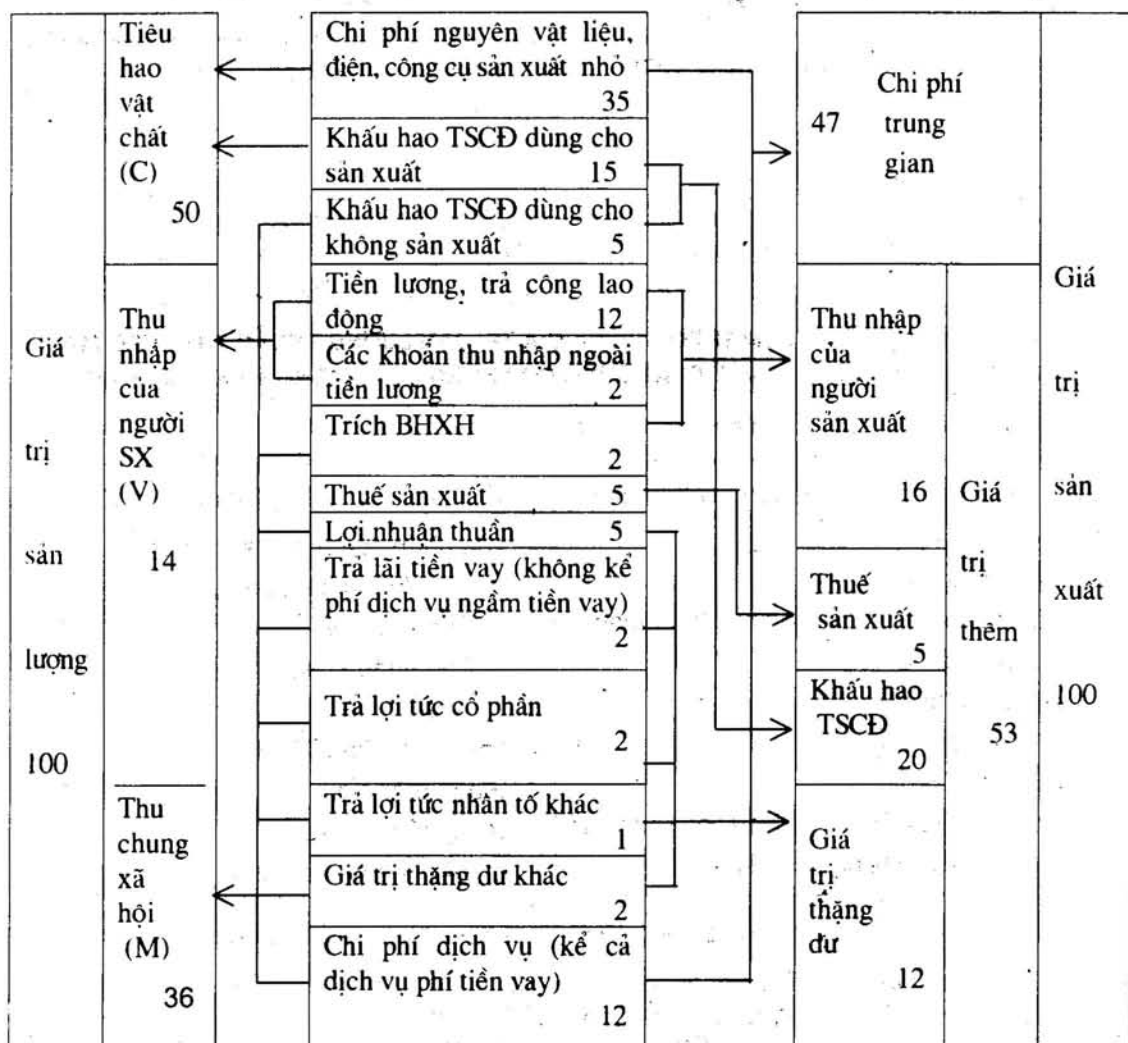
- Chi trả lợi tức cho liên doanh, góp vốn cổ phần.

- Chi nộp cấp trên, v.v...

Cụ thể chúng ta xem sơ đồ sau:

**Phương pháp chuyển đổi thông tin từ MPS sang SNA theo các yếu tố phân phối đối với các ngành SXVC như sau:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



2. Từ phân tích sự giống nhau và khác nhau của 2 chỉ tiêu TNQD và GDP ở trên ta rút ra công thức tổng quát sau đây:

$GDP = TNQD \text{ của khu vực sản xuất vật chất}$   
 (+) *Khấu hao TSCĐ dùng cho sản xuất vật chất*

(-) *Chi phí dịch vụ trong thu chung xã hội của các ngành sản xuất vật chất*

(+) *Giá trị tăng thêm của hoạt động dịch vụ của Việt Nam hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và hoạt động sản xuất vật chất và dịch vụ của Việt Nam ở nước ngoài dưới 1 năm*

(+) *Hoạt động Sử quán, Lãnh sự quán, Đại diện Quốc phòng của Việt Nam ở nước ngoài không kể thời gian là bao lâu*

(+) *Giá trị tăng thêm của hoạt động dịch vụ của nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam với thời gian trên 1 năm*

### III. PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN ĐỔI TNQD SANG GDP THEO PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG CUỐI CÙNG

1. Tiêu dùng cuối cùng theo SNA và quỹ tiêu dùng theo MPS cũng có điểm giống nhau là đều gồm 2 phần:

- Tiêu dùng cá nhân của hộ gia đình

- Tiêu dùng chung của xã hội (tiêu dùng của nhà nước).

Nhưng có nội dung khác nhau.

Tiêu dùng cuối cùng bao gồm cả hàng hoá (sản phẩm vật chất) và dịch vụ; còn Quỹ tiêu dùng chỉ bao gồm là sản phẩm hàng hoá (sản phẩm vật chất) kể cả chi phí vật chất là nguyên nhiên vật liệu trong các hoạt động dịch vụ phục vụ hộ gia đình. Vì vậy, phương pháp tính đổi như sau:

Tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình theo SNA = Tiêu dùng sản phẩm vật chất của hộ gia đình theo MPS + *Giá trị tăng thêm và phần chi phí trung gian là dịch vụ của các hoạt động dịch vụ phục vụ hộ gia đình*

Tiêu dùng cuối cùng của nhà nước theo SNA = Tiêu dùng sản phẩm vật chất của nhà nước (xã hội) theo MPS + *Giá trị tăng thêm và phần chi phí trung gian là dịch vụ của hoạt động quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, Đảng, Đoàn thể, nghiên cứu khoa học*

2. Tổng tích lũy tài sản theo SNA và quỹ tích lũy theo MPS đều bao gồm tích lũy tài sản cố định và tích lũy tài sản lưu động. Điểm khác cơ bản của tổng tích lũy tài sản là cộng thêm khấu hao tài sản cố định, tích lũy tài sản là tài sản vô hình, tài sản quý hiếm. Cho nên công thức chuyển đổi như sau:

Tổng TLTS theo SNA = Quỹ TL theo MPS + KH TSCĐ + TLTS vô hình và tài sản quý hiếm + *Trị giá thu được do chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản cố định không do con người sản xuất ra được như đất đai, tài nguyên*

3. Phương pháp chuyển đổi xuất nhập khẩu khác nhau cơ bản là theo MPS chỉ tiêu xuất nhập khẩu chỉ là hàng hoá còn theo SNA bao gồm cả xuất nhập khẩu dịch vụ. Vì vậy:

Xuất nhập khẩu theo SNA = Xuất nhập khẩu theo MPS + *Xuất nhập khẩu dịch vụ*

Ngoài ra, đối với chỉ tiêu nhập khẩu theo MPS tính theo giá CIF còn theo SNA thì được tính theo giá FOB vì phải tách phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của nước ngoài ra khỏi trị giá hàng nhập khẩu có nghĩa là:

*Giá trị hàng nhập theo = Giá trị hàng nhập theo - BH của nước ngoài  
giá FOB            giá CIF            trong hàng nhập*

#### **IV. TÍNH GIÁ TRỊ TĂNG THÊM, ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT DỊCH VỤ**

Theo phân loại của SNA thì hoạt động thương nghiệp, ăn uống, vận tải, bưu chính viễn thông thuộc khu vực III (hoạt động dịch vụ);

Còn MPS lại coi những hoạt động thương nghiệp ăn uống, vận tải, hàng hoá, bưu điện phục vụ sản xuất mặc dù không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, nhưng chúng làm tăng giá trị từ nơi sản xuất đến nơi sử dụng cuối cùng. Phương pháp chuyển đổi TNQD sang GDP của những hoạt động trên đã được đề cập trong phần I.

Đối với những hoạt động dịch vụ khác như: khách sạn, du lịch, vận tải hành khách, bưu điện phục vụ tiêu dùng, kinh doanh tiền tệ, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, hoạt động sự nghiệp, dịch vụ phục vụ cá nhân cộng đồng...

Phương pháp xác định kết quả sản xuất toàn bộ, giá trị mới tăng thêm... của những hoạt động dịch vụ trên MPS chưa đề cập; nên phải tiến hành thu thập thông tin thông qua chế độ báo cáo và điều tra để tính đúng theo phương pháp quy định của LHQ. Phương pháp tính và nguồn thông tin đã được giới thiệu kỹ trong cuốn "Phương pháp biên soạn hệ thống TKQG ở Việt Nam" Nhà xuất bản Thống kê năm 1997.

Trên đây là một số nguyên tắc về phương pháp luận và cách chuyển đổi TNQD sang GDP đã được thực hiện ở Việt Nam cho thời kỳ trước 1989.

Trong quá trình thực hiện chúng tôi còn phải giải quyết một loạt các vấn đề khác như: giá cả tính lại cho thống nhất giữa các năm do nhà nước đổi tiền, tính đổi mệnh giá đồng tiền miền Nam, đồng tiền miền Bắc theo một loại đồng tiền thống nhất cho thời kỳ trước 1975; Tính đổi giá so sánh về thống nhất một năm gốc... nhằm có một dãy số GDP liên tục trên một mặt bằng giá. Tất cả những vấn đề trên chúng tôi xin trình bày ở phần tiếp theo.